

Số: /TM-KSBT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026.

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

(Hóa chất xét nghiệm nước, thực phẩm dịch vụ lần 2  
của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng)

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá hàng hóa, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm hóa chất xét nghiệm nước, thực phẩm dịch vụ với nội dung như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng. Số 84 Nguyễn Tất Tố, phường Lê Chân, Hải Phòng.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược - Vật tư y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng;

SĐT: 0225.3842.878, Email: duoc.cdchp@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: duoc.cdchp@gmail.com

- Nhận qua email: duoc.cdchp@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h ngày 03 tháng 6 năm 2026, đến trước 17h ngày 14 tháng 6 năm 2026.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày từ ngày 05 tháng 4 năm 2026.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục chi tiết tại phụ lục kèm theo.

2. Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Vậy Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng kính mời các đơn vị gửi báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng cảm ơn!

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Đăng tải trên HTMĐTQG;
- TTGDSK (đăng tải trên website đơn vị);
- HĐMS; TCKT; XN; KHN;V;
- Lưu: VT, D-VTYT<sub>(Thành)</sub>

**GIÁM ĐỐC**

**Đông Trung Kiên**

## PHỤ LỤC I: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Thư mời báo giá số /TM-KSBT ngày tháng năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật thành phố Hải Phòng)

TT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách tham khảo	Đơn vị tính	Số lượng
1	1,2- dichlorobenzene – d4	Purity $\geq$ 99% Tiêu chuẩn EU hoặc tương đương	100mg	Lọ	1
2	1,4- dichlorobenzene – d4	Purity $\geq$ 99% Tiêu chuẩn EU hoặc tương đương	100mg	Lọ	1
3	1,4- difluorobenzene	Purity $\geq$ 99% Tiêu chuẩn EU hoặc tương đương	100mg	Lọ	1
4	4-Bromofluorobenzene	Purity $\geq$ 99% Tiêu chuẩn EU hoặc tương đương	250mg	Lọ	1
5	Acetone	Assay: $\geq$ 99.8% (GC)	2.5L	Chai	1
6	Axit ortho – phosphoric	pH <0.5 (20 °C, 100 g/L in H2O)	1L	Chai	1
7	Baird parker agar (BP)	Thành phần tối thiểu: Hàm lượng (g/L) Enzymatic Digest of Casein 10,0 g Cao chiết thịt (Meat Extract) 5,0 g Cao chiết nấm men (Yeast Extract) 1,0 g Lithium Chloride 5,0 g Glycine 12,0 g Natri Pyruvate 10,0 g Agar 15,0 g pH cuối cùng (ở 25°C) $6,8 \pm 0,2$ Độ tan: 58 g/ L Tiêu chuẩn EU hoặc tương đương	Chai 500g	Chai	3

8	BD GasPak™ EZ Anaerobe Container System	Tạo môi trường kỵ khí hoàn toàn (loại bỏ hoàn toàn Oxy và sinh ra khí Carbon Dioxide). Dùng để nuôi cấy vi khuẩn kỵ khí bắt buộc (như Clostridium). Đi kèm dải chỉ thị kỵ	Hộp/ 20 túi	Hộp	3
9	Benzo[a]pyrene- d12	Purity ≥ 97% Tiêu chuẩn EU hoặc tương đương	10mg	Chai	1
10	Bromodichloromethane	Purity ≥ 98% Tiêu chuẩn EU hoặc tương đương	1g	Lọ	1
11	Bromoform	Purity ≥ 90% Tiêu chuẩn EU hoặc tương đương	1g	Lọ	1
12	Chất bổ sung cho thạch Pseudomonas CN (Cetrimide-Nalidixic Acid)	Thành phần pha 1 lọ : Cetrimide 100mg; Nalidixic acid 7,5 mg Tiêu chuẩn EU hoặc tương đương	Hộp 10 vial	Hộp	6
13	Chất chuẩn hỗn hợp hợp chất Phenyl hydroxide	12 thành phần, nồng độ 2000 µg/mL trong Dichloromethane gồm	1mL	lọ	1
14	Deoxy cholate lactose agar - DLA (DC agar)	Thành phần Khối lượng (g/L) Peptone 10.0 Lactose 10.0 Natri Clorua (NaCl) 5.0 Natri Citrate (Sodium Citrate) 2.0 Kali Dihydrogen Phosphate (KH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub> ) 2.0 Muối mật (Bile Salts) hoặc Natri Deoxycholate 0.5 Đỏ trung tính (Neutral Red) 0.033 Thạch (Agar) 12,5 pH cuối cùng (Final pH) 7.3 ± 0.2 Tiêu chuẩn EU hoặc tương đương	Chai 500g	Chai	1

15	DG 18 agar Thạch dichloran glycerol 18%	Thành phần :Hàm lượng (g/L) Enzymatic Digest of Casein5,0 g D(+)-Glucose (Dextrose)10,0 g Kali Dihydrogen Phosphate1,0 g Magie Sulfat (MgSO <sub>4</sub> ·7H <sub>2</sub> O)0,5 g Dichloran (2,6-dichloro-4-nitroaniline)0,002 g Chloramphenicol0,1 g Glycerol220 g (18%) Agar-agar15,0 g pH cuối cùng (ở 25°C)5,6 ) ± 0,2 Hàm lượng pha tiêu chuẩn của bột khô là 31,6 gram cho mỗi lít nước cất (chưa tính 220g glycerol). Tiêu chuẩn EU hoặc tương đương	Chai 500g	Chai	2
16	Ethyl Acetate	Purity ≥ 99.8 %, GCMS grade	2.5L	Chai	1
17	Hydrochloric acid 6 mol/L	Cặn khi đốt (dưới dạng SO <sub>4</sub> ) ≤ 0,008 %	Chai 1L	Chai	1
18	Maleic acid	Assay ≥98%	250g	Chai	1
19	Màng lọc 0.45μm	Cellulose Acetate Membrane Filters , đường kính 47mm, cỡ lọc 0.45 μm.	Hộp 100 cái	Hộp	1
20	Màng lọc cellulose nitrate(Mixed cellulode Ester)	Thuộc tính : Chi tiết Vật liệu màng lọc: cellulose nitrate Kích thước lỗ lọc (Pore size): 0.45 μm (micromet) Đường kính (Diameter): 47 mm Màu sắc Trắng, kẻ sọc đen Tình trạng vô trùng: Đã tiệt trùng (Sterile) (pack of 100) Độ dày màng lọc: 115–145 μm Khả năng chịu nhiệt tối đa 130°C.	Hộp 100 cái	Hộp	180

21	Màng lọc mẫu	Thuộc tính : Chi tiết Vật liệu màng lọc: cellulose nitrate Kích thước lỗ lọc (Pore size): 0.2 $\mu\text{m}$ (micromet) Đường kính (Diameter): 47 mm Màu sắc Trắng, kẻ sọc đen Tình trạng vô trùng: Đã tiệt trùng (Sterile) (pack of 100) Độ dày màng lọc: 115–145 $\mu\text{m}$ Khả năng chịu nhiệt tối đa 130°C.	Hộp 100 cái	Hộp	50
22	Màng lọc Nylon	Chất liệu Nylon, cỡ lọc 0.45 $\mu\text{m}$ , đường kính 47mm	Hộp 100 cái	Hộp	1
23	Methylene chloride, $\text{CH}_2\text{Cl}_2$	Purity $\geq 99.8\%$ , GCMS grade	2.5L	Chai	1
24	$\text{NaAsO}_2$	$c(\text{NaAsO}_2) = 0.05 \text{ mol/l}$ (0,1 N)	1L	Chai	1
25	SABOURAUD 4% dextrose agar	Thành phần pha 1 lít: Dextrose (Glucose) 40,0 g Peptone from casein 5.0g; peptone from meat 5.0g Thạch (Agar) 15,0 g Độ pH cuối cùng: $5,6 \pm 0.2$ ở nhiệt độ 25°C. Tỷ lệ pha: 65g/L	Chai 500g	Chai	1
26	Septa dùng cho lọ Purge and trap	Septa dùng cho lọ 40ml; Technique: Purge & Trap	Túi 72 cái	Túi	1
27	Sodium thiosulfat	Assay $\geq 97.0\%$ ; pH-value (5 %; water) 6.0 - 9.5; Sulphide (S) $\leq 0.002\%$ ; Fe (Iron) $\leq 0.005\%$ ; Heavy metals (as Pb) $\leq 0.005\%$	250g	Chai	2
28	SPADNS	Absorption maximum $\lambda_{\text{max}}$ (buffer pH 7.0) 505-510nm; Spec, Absorptivity A 1%/1cm ( $\lambda_{\text{max}}$ ; 0.02 g/l; buffer pH 7.0; calc. on dried substance) 400-560 nm	25g	Chai	1
29	tert-Butyl Methyl-d3 Ether	Purity $\geq 95\%$	50mg	Lọ	1
30	Thạch CN GranuCult® prime Pseudomonas CFC/CN agar (base)	Thành phần pha 1 lít môi trường: Enzymatic digest of gelatin 16 g; Casein hydrolysate 10 g; Potassium sulfate anhydrous 10 g; Magnesium chloride	Chai 500g	Chai	4

		anhydrous 1.4 g; Agar 11-18g Tiêu chuẩn EU hoặc tương đương			
31	Thạch huyết cừu pha sẵn	Trong 1 lít môi trường Special peptone.23 g Starch 1 g Sodium chloride 5 g Agar10 g Sheep blood.5-7% pH của môi trường hoàn chỉnh ở 25°C: $7.3 \pm 0.2$ Điều kiện vận chuyển: 2 – 25°C Bảo quản lưu trữ: 2 – 8°C Đóng gói: 10 đĩa/ hộp Hạn sử dụng: 03 tháng Gửi kèm theo sản phẩm: KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM( kiểm tra chất lượng mỗi lô sản phẩm bằng chủng chuẩn ATCC)	Hộp 10 đĩa	Hộp	8
32	Triphenylphosphate	Purity: 99,86 + 0,3%	250mg	Chai	1
33	Trizma preset crystals	A290 UV absorbance (40% w/w) $\leq 0.06$	250g	Chai	1
34	Túi đập mẫu có lọc Bag filter	Thuộc tính Chi tiết: Thể tích danh nghĩa 400 mL Thể tích sử dụng 50-300 mL Màng lọc (Filter): Túi có tích hợp màng lọc bên hông làm bằng vải không dệt (non-woven filter). Kích thước lỗ lọc của màng này là < 250 micromet. Kích thước túi 190 x 300 mm Vật liệu Phức hợp nhiều lớp gia cố, cứng và trong suốt Tuyệt trùng Có, đóng gói tuyệt trùng có khả năng chống chịu nhiệt độ cao (từ -40°C đến 80°C). Đóng gói Hộp 500 túi (25 túi/gói) Tiêu chuẩn EU hoặc tương đương	500cái/hộp	Hộp	6
35	VRBD agar VRBD Agar (Violet Red Bile Dextrose Agar)	Thành phần: Peptone (từ mô động vật/gelatin): 7.0 g Yeast Extract (Cao nấm men): 3.0 g Dextrose (Glucose): 10.0 g Muối mật (Bile Salts No. 3): 1.5 g Natri clorua (NaCl): 5.0 g Neutral Red (Đỏ trung tính): 0.03 g Crystal Violet (Tím kết tinh): 0.002 g Agar: 13.0 g pH cuối cùng: $7.4 \pm 0.2$ ở 25°C. Tiêu chuẩn EU hoặc tương đương	Chai 500g	Chai	1
36	ZrOCl <sub>2</sub> .8H <sub>2</sub> O	Assay $\geq 97\%$ ; Sulfate $\leq 0.015\%$	100g	Chai	1

## PHỤ LỤC II: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số /TM-KSBT ngày tháng năm 2026

của Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật thành phố Hải Phòng)

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng và khả năng cung ứng của Công ty, chúng tôi ...[Ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh], xin gửi báo giá như sau:

### 1. Báo giá cho hàng hóa liên quan:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	ĐVT	Số lượng/ Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ) (VAT)
1												
2												
n	.....											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ...ngày, kể từ ngày.... tháng...năm ....[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày kể từ ngày...]

### 3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng.....năm

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu)